BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC BỘ TƯ PHÁP NĂM 2024

Số: 7485/TB-HĐNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO
Kết quả thi và nhận đơn phúc khảo kỳ thi nâng ngạch công chức Bộ Tư pháp năm 2024

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ, Hội đồng thi nâng ngạch công chức thông báo kết quả thi và nhận đơn phúc khảo kỳ thi nâng ngạch công chức như sau:

1. Thông báo kết quả thi

Hội đồng thi nâng ngạch thông báo kết quả thi kỳ thi nâng ngạch công chức của Bộ Tư pháp năm 2024 (*có Danh sách kèm theo*).

2. Thông báo nhận đơn phúc khảo

- Trên cơ sở kết quả thi tại Thông báo này, thí sinh có nhu cầu phúc khảo bài thi gửi đơn phúc khảo (theo mẫu gửi kèm) trực tiếp hoặc theo đường bưu chính về Hội đồng thi nâng ngạch công chức, số 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội (qua Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2024.

Lưu ý: Không chấm phúc khảo đối với các đơn phúc khảo bài thi nhận được sau thời hạn quy định (tính theo dấu bưu điện nếu đơn gửi theo đường bưu chính).

- Mức thu phí phúc khảo: 150.000đ/thí sinh theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Đề nghị Bộ Công Thương và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp thông báo đến công chức thuộc quyền quản lý tham gia kỳ thi theo quy định. Thông báo này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp: moj.gov.vn và niêm yết tại trụ sở Bộ Tư pháp. Mọi chi tiết liên hệ: Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp, số 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội. Điện thoại: 024.62739367./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Chủ tịch Hội đồng thi (để b/cáo);
- Các thành viên HĐNN;
- Ban giám sát kỳ thi nâng ngạch;
- Cổng thông tin điện tử BTP (để đăng tin);
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, TCCB.

TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Phan Thị Hồng Hà

BỘ TÀI CHÍNH
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH
CÔNG CHỨC CNVT 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 7485/TB-HĐNN ngày 27/12/2024 của Hội đồng nâng ngạch công chức)

TT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Môn KTC	Môn NN	Môn CMNV
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
NÂNG NGẠCH LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH										
1	CVC-01	Bùi Vân	Anh	Nữ	18/08/1986	Chuyên viên	Cục KTVBQPPL	32/60	19/30	52
2	CVC-02	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	10/02/1982	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	33/60	Miễn thi	55,5
3	CVC-03	Lê Hoài	Anh	Nữ	14/02/1985	Chuyên viên	Vụ PLQT	41/60	21/30	58,5
4	CVC-04	Bùi Thị Vân	Anh	Nữ	10/6/1986	Chuyên viên	Vụ PLQT	39/60	12/30 (không đạt)	
5	CVC-05	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	11/2/1989	Chuyên viên	Vụ Con nuôi	37/60	16/30	55,3
6	CVC-06	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	23/8/1990	Chuyên viên	Cục BTTP	44/60	Miễn thi	54,5
7	CVC-07	Hoàng Ngọc	Bích	Nữ	8/10/1989	Phó Trưởng phòng	Vụ PLQT	44/60	Miễn thi	51
8	CVC-08	Dương Thị	Bình	Nữ	12/3/1977	Chuyên viên	Vụ PLHSHC	37/60	28/30	55,5
9	CVC-09	Bùi Thị Hải	Châu	Nữ	5/11/1988	Chuyên viên	Cục HTQTCT	45/60	Miễn thi	60,5
10	CVC-10	Đỗ Đình	Chuyền	Nam	9/9/1983	Chuyên viên	Cục HTQTCT	41/60	24/30	54,5
11	CVC-11	Nguyễn Văn	Đức	Nam	18/9/1987	Chuyên viên	Cục KTVBQPPL	40/60	13/30 (không đạt)	
12	CVC-12	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	10/2/1988	Chuyên viên	Cục HTQTCT	52/60	18/30	64,5
13	CVC-13	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	2/9/1990	Chuyên viên	Vụ PLDSKT	43/60	22/30	62,5
14	CVC-14	Lê Kim	Dung	Nữ	14/2/1984	Chuyên viên	Vụ PLHSHC	45/60	Miễn thi	60,5
15	CVC-15	Đỗ Thị Thùy	Dương	Nữ	25/8/1984	Chuyên viên	Cục CNTT	39/60	19/30	56
16	CVC-16	Đỗ Thùy	Dương	Nữ	30/10/1986	Phó Trưởng Phòng	Vụ PLHSHC	41/60	25/30	54,5
17	CVC-17	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	Nữ	10/1/1990	Phó Trưởng phòng	Vụ TCCB	39/60	27/30	54,5
18	CVC-18	Dương Hương	Giang	Nữ	23/11/1986	Chuyên viên	Cục KHTC	30/60	Miễn thi	50,5
19	CVC-19	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	Nữ	28/08/1976	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	43/60	21/30	56,8
20	CVC-20	Hoàng Việt	Hà	Nữ	10/10/1987	Chuyên viên	Cục PBGDPL	49/60	11/30 (không đạt)	
21	CVC-21	Lê Thị Thanh	Hà	Nữ	15/11/1985	Chuyên viên	Cục TPGL	41/60	22/30	50,3
22	CVC-22	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	16/02/1975	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	32/60	25/30	52
23	CVC-23	Nguyễn Thái	Hà	Nam	26/9/1987	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	34/60	Miễn thi	58

TT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Môn KTC	Môn NN	Môn CMNV
24	CVC-24	Nguyễn Văn	Hà	Nam	19/5/1987	Chuyên viên	Vụ PLDSKT	52/60	21/30	54,5
25	CVC-25	Nguyễn Hải	Hà	Nữ	23/11/1989	Chuyên viên	Vụ TCCB	42/60	Miễn thi	50,5
26	CVC-26	Đinh Thị Thu	Hà	Nữ	4/9/1988	Chuyên viên	Cục BTTP	44/60	19/30	69
27	CVC-27	Phạm Trường	Hải	Nam	1/11/1980	Phó Trưởng phòng	Cục BTNN	36/60	19/30	51
28	CVC-28	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	18/8/1987	Chuyên viên	Cục BTNN	40/60	27/30	53
29	CVC-29	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	26/3/1981	Trưởng phòng	Văn phòng Bộ	30/60	26/30	50
30	CVC-30	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	26/6/1985	Chuyên viên	Vụ PLDSKT	44/60	20/30	52,5
31	CVC-31	Võ Thị	Hạnh	Nữ	23/10/1990	Chuyên viên	Cục HTQTCT	40/60	18/30	56,5
32	CVC-32	Trần Hồng	Hạnh	Nữ	28/7/1986	Chuyên viên	Vụ CVĐC	42/60	Miễn thi	54
33	CVC-33	Lê Thị	Hiên	Nữ	16/12/1990	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	42/60	14/30 (không đạt)	
34	CVC-34	Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	20/9/1983	Chuyên viên	Cục TPGL	42/60	Miễn thi	64
35	CVC-35	Vũ Thị	Hiền	Nữ	21/10/1990	Chuyên viên	Vụ PLHSHC	47/60	Miễn thi	73,5
36	CVC-36	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	25/4/1987	Trưởng phòng	Vụ TCCB	46/60	23/30	68,5
37	CVC-37	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	30/09/1990	Chuyên viên	Vụ PLQT	35/60	Miễn thi	33,5
38	CVC-38	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	28/12/1989	Chuyên viên	Cục ĐKQGGDBĐ	35/60	20/30	51,8
39	CVC-39	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	25/09/1989	Chuyên viên	Vụ PLQT	38/60	18/30	60
40	CVC-40	Tạ Tùng	Hoa	Nữ	25/01/1989	Chuyên viên	Cục HTQTCT	39/60	20/30	69,5
41	CVC-41	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	7/9/1985	Chuyên viên	Vụ CVĐC	41/60	18/30	51,5
42	CVC-42	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	11/6/1982	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	38/60	Miễn thi	51,5
43	CVC-43	Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	29/4/1988	Chuyên viên	Cục KTVBQPPL	38/60	15/30	55
44	CVC-44	Phạm Văn	Huấn	Nam	25/5/1986	Phó Trưởng ban	Văn phòng Bộ	48/60	13/30 (không đạt)	
45	CVC-45	Đỗ Thị	Huệ	Nữ	14/3/1988	Phó Trưởng phòng	Vụ PLHSHC	51/60	Miễn thi	69,5
46	CVC-46	Lưu Đức	Hưng	Nam	12/9/1987	Chuyên viên	Vụ HTQT	35/60	15/30	57
47	CVC-47	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	4/10/1983	Chuyên viên	Cục KTVBQPPL	33/60	06/30 (không đạt)	
48	CVC-48	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	14/9/1987	Chuyên viên	Vụ CVĐC	41/60	18/30	53
49	CVC-49	Phạm Thị	Hương	Nữ	1/4/1990	Chuyên viên	Vụ CVĐC	43/60	22/30	51,5
50	CVC-50	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/11/1980	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	30/60	6,5/30 (không đạt)	

TT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Môn KTC	Môn NN	Môn CMNV
51	CVC-51	Ngô Thị	Huyền	Nữ	16/8/1990	Chuyên viên	Vụ CVĐC	48/60	23/30	68
52	CVC-52	Khúc Thu	Huyền	Nữ	13/5/1990	Phó Trưởng phòng	Vụ TCCB	43/60	24/30	60
53	CVC-53	Bùi Thị	Huyền	Nữ	5/8/1990	Chuyên viên	Cục BTTP	50/60	24/30	56,3
54	CVC-54	Lưu Thị	Lam	Nữ	3/3/1989	Chuyên viên	Vụ PLDSKT	54/60	26/30	57,5
55	CVC-55	Chu Thị Tuyết	Lan	Nữ	16/12/1979	Chuyên viên	Cục BTNN	36/60	28/30	50,5
56	CVC-56	Hà Thị	Lan	Nữ	21/10/1989	Phó Trưởng phòng	Cục KTVBQPPL	45/60	29/30	59,5
57	CVC-57	Bùi Như	Lan	Nữ	7/2/1985	Phó Trưởng phòng	Cục TPGL	40/60	21/30	50
58	CVC-58	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	28/2/1990	Chuyên viên	Vụ CVĐC	41/60	24/30	53,5
59	CVC-59	Lê Thị	Lan	Nữ	29/4/1984	Chuyên viên	Vụ Con nuôi	34/60	27/30	50
60	CVC-60	Trần Thị Huyền	Lê	Nữ	09/5/1990	Chuyên viên	Cục KTVBQPPL	46/60	26/30	50
61	CVC-61	Trịnh Hồng	Lê	Nữ	08/12/1986	Chuyên viên	Vụ PLHSHC	39/60	25/30	53
62	CVC-62	Hoàng Thị Kim	Liên	Nữ	1/7/1971	Chuyên viên	Vụ TCCB	27/60 (không đạt)		
63	CVC-63	Kim Hoàn Mỹ	Linh	Nữ	25/5/1990	Phó Trưởng phòng	Vụ TCCB	47/60	Miễn thi	55,5
64	CVC-64	Phạm Thuỳ	Linh	Nữ	21/11/1987	Chuyên viên	Vụ PLQT	42/60	Miễn thi	59,8
65	CVC-65	Vũ Hải	Linh	Nữ	1/4/1987	Chuyên viên	Cục BTTP	45/60	22/30	59
66	CVC-66	Trần Thanh	Loan	Nữ	11/1/1988	Phó Chánh Văn phòng	Cục KTVBQPPL	39/60	28/30	64
67	CVC-67	Lê Thị Minh	Long	Nữ	06/9/1976	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	37/60	21/30	57,3
68	CVC-68	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	4/8/1978	Chuyên viên	Cục BTTP	37/60	24/30	59
69	CVC-69	Vũ Thị	Mai	Nữ	13/02/1984	Chuyên viên	Cục KTVBQPPL	33/60	26/30	51
70	CVC-70	Đinh Quỳnh	Mây	Nữ	21/12/1986	Chuyên viên	Cục PBGDPL	36/60	21/30	55
71	CVC-71	Trần Tuyết	Minh	Nữ	2/12/1979	Chuyên viên	Cục TPGL	47/60	20/30	54
72	CVC-72	Đào Thị Hồng	Minh	Nữ	2/28/1990	Chuyên viên	Vụ CVĐC	52/60	Miễn thi	65
73	CVC-73	Nguyễn Trà	My	Nữ	3/10/1986	Phó trưởng phòng	Vụ CVĐC	48/60	Miễn thi	65
74	CVC-74	Lê Quỳnh	Nga	Nữ	18/10/1990	Chuyên viên	Vụ TCCB	42/60	24/30	68
75	CVC-75	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	14/4/1988	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	39/60	27/30	54
76	CVC-76	Trịnh Thị	Nhâm	Nữ	4/10/1984	Chuyên viên	Cục KTVBQPPL	30/60	15/30	69
77	CVC-77	Nguyễn Nữ Thanh	Nhàn	Nữ	3/12/1978	Chuyên viên	Vụ PLDSKT	31/60	21/30	54
78	CVC-78	Đỗ Thị	Nhẫn	Nữ	28/6/1988	Chuyên viên	Cục PBGDPL	50/60	29/30	62,8

TT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Môn KTC	Môn NN	Môn CMNV
79	CVC-79	Nguyễn Thùy	Nhung	Nữ	09/12/1985	Chuyên viên	Cục PBGDPL	44/60	27/30	70
80	CVC-80	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	08/11/1990	Chuyên viên	Vụ PLHSHC	39/60	25/30	60,5
81	CVC-81	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	24/3/1988	Chuyên viên	Vụ TCCB	40/60	22/30	50
82	CVC-82	Nguyễn Việt	Phương	Nam	09/12/1979	Chuyên viên	Cục ĐKQGGDBĐ	40/60	22/30	51,5
83	CVC-83	Huỳnh Hữu	Phương	Nam	27/3/1981	Chuyên viên	Cục KTVBQPPL	41/60	Miễn thi	42,5
84	CVC-84	Đào Thị Lan	Phương	Nữ	21/5/1988	Chuyên viên	Vụ TCCB	36/60	27/30	55,5
85	CVC-85	Trần Thị	Phượng	Nữ	26/10/1985	Chuyên viên	Cục TPGL	37/60	24/30	59,5
86	CVC-86	Nguyễn Minh	Phượng	Nữ	23/6/1981	Chuyên viên	Vụ Con nuôi	31/60	Miễn thi	62
87	CVC-87	Lê Huỳnh	Quang	Nam	01/10/1979	Phó Trưởng phòng	Văn phòng Bộ	30/60	22/30	52
88	CVC-88	Nguyễn Hữu	Quảng	Nam	18/09/1983	Trưởng phòng	Văn phòng Bộ	30/60	26/30	66,5
89	CVC-89	Nguyễn Thị Tú	Quyên	Nữ	7/8/1984	Chuyên viên	Cục BTTP	32/60	Miễn thi	52,5
90	CVC-90	Nguyễn Thị Hương	Tám	Nữ	15/8/1987	Chuyên viên	Vụ TCCB	41/60	16/30	58
91	CVC-91	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	27/12/1989	Chuyên viên	Cục PBGDPL	47/60	24/30	66,5
92	CVC-92	Ngô Thị	Tâm	Nữ	11/6/1986	Chuyên viên	Cục BTTP	46/60	19/30	51,5
93	CVC-93	Trần Phương	Thanh	Nữ	10/11/1988	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	39/60	Miễn thi	56
94	CVC-94	Lưu Công	Thành	Nam	11/9/1990	Chuyên viên	Cục PBGDPL	36/60	Miễn thi	56
95	CVC-95	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	21/10/1990	Chuyên viên	Cục HTQTCT	35/60	27/30	58
96	CVC-96	Vũ Phương	Thảo	Nữ	05/8/1990	Chuyên viên	Văn phòng Bộ	50/60	28/30	57
97	CVC-97	Nguyễn Thị Bích	Thảo	Nữ	18/3/1983	Chuyên viên	Vụ PLDSKT	38/60	16/30	42
98	CVC-98	Phạm Phúc	Thịnh	Nam	17/11/1987	Chuyên viên	Cục ĐKQGGDBĐ	41/60	18/30	55
99	CVC-99	Nguyễn Tiến	Thơ	Nam	16/9/1981	Chuyên viên	Cục ĐKQGGDBĐ	30/60	20/30	50
100	CVC-100	Nguyễn Kim	Thoa	Nữ	28/10/1989	Chuyên viên	Vụ PLDSKT	37/60	Miễn thi	52
101	CVC-101	Nguyễn Quỳnh	Thoa	Nữ	31/7/1990	Chuyên viên	Cục BTTP	42/60	21/30	55
102	CVC-102	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	28/4/1986	Chuyên viên	Vụ CVĐC	41/60	Miễn thi	67,5
103	CVC-103	Nguyễn Thị Phương	Thu	Nữ	21/6/1990	Chuyên viên	Vụ Con nuôi	50/60	25/30	52
104	CVC-104	Phạm Thị Ngọc	Thu	Nữ	29/4/1997	Chuyên viên	Vụ PLHSHC	50/60	24/30	62
105	CVC-105	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	18/10/1985	Chuyên viên	Cục KTVBQPPL	34/60	21/30	50

TT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Môn KTC	Môn NN	Môn CMNV
106	CVC-106	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	23/7/1985	Phó Trưởng phòng	Cục QLXLVPHC&TD THPL	40/60	Miễn thi	56
107	CVC-107	Hồ Thị Huyền	Trang	Nữ	30/10/1988	Chuyên viên	Vụ PLDSKT	40/60	25/30	57,5
108	CVC-108	Lương Thị	Vân	Nữ	1/9/1989	Chuyên viên	Cục BTTP	50/60	23/30	56
109	CVC-109	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	Nữ	20/11/1988	Chuyên viên	Cục BTNN	40/60	21/30	60
110	CVC-110	Phan	Vũ	Nam	17/9/1997	Chuyên viên	Vụ PLDSKT	46/60	Miễn thi	59
NÂNG NGẠCH LÊN THANH TRA VIÊN CHÍNH										
111	TTVC-01	Cấn Văn	Dũng	Nam	05/01/1977	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Công thương	31/60	16/30	59,5
112	TTVC-02	Đỗ Xuân	Dương	Nam	5/9/1978	Phó Trưởng phòng	Thanh tra Bộ Tư pháp	35/60	Miễn thi	71
113	TTVC-03	Hoàng Hồng	Hải	Nam	05/12/1981	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Công thương	30/60	Miễn thi	52,5
114	TTVC-04	Đỗ Thanh	Hằng	Nữ	03/04/1988	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Tư pháp	53/60	Miễn thi	69,5
115	TTVC-05	Trịnh Thị Thu	Hiền	Nữ	16/10/1989	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Tư pháp	38/60	25/30	56
116	TTVC-06	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	25/04/1988	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Tư pháp	41/60	Miễn thi	69
117	TTVC-07	Trần Hương	Lan	Nữ	26/10/1979	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Công thương	33/60	23/30	54,5
118	TTVC-08	Lữ Thị	Mai	Nữ	19/05/1988	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Tư pháp	44/60	24/30	58,5
119	TTVC-09	Lê Thị	Ngọc	Nữ	07/07/1982	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Tư pháp	39/60	21/30	68,5
120	TTVC-10	Nguyễn Khắc	Quý	Nam	29/9/1982	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Công thương	31/60	Miễn thi	58
121	TTVC-11	Vũ Xuân	Quỳnh	Nam	19/7/1985	Phó Trưởng phòng	Thanh tra Bộ Công thương	43/60	21/30	64,5
122	TTVC-12	Tăng Bá	Sơn	Nam	26/02/1982	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Tư pháp	38/60	23/30	55
123	TTVC-13	Thái Thanh	Sơn	Nam	10/02/1984	Phó Trưởng phòng phụ trách	Thanh tra Bộ Công thương	27/60 (không đạt)		
124	TTVC-14	Nguyễn Cao	Thắng	Nam	05/9/1981	Thanh tra viên	Thanh tra Bộ Công thương	32/60	17/30	53,5
NÂNG NGẠCH LÊN VĂN THƯ VIÊN										
125	VTV-01	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	9/8/1985	Văn thư viên trung cấp	Cục TPGL	40/60	19/30	64
NÂNG NGẠCH LÊN CÁN SỰ										
126	CS-01	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	22/3/1986	Nhân viên thủ quỹ	Văn phòng Bộ	36/60	24/30	69